**23. Cấp giấy phép khai thác thủy sản.**

- **Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ, nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc qua đường bưu chính công.

+ Bước 2: Chuyên viên Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ:

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ thì trả hồ sơ yêu cầu bổ sung.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thành phần, trong thời hạn không quá 01 buổi làm việc, Chuyên viên Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ra Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, sau đó chuyển hồ sơ cho phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản xử lý.

+ Bước 3: Phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản khi tiếp nhận và thẩm định hồ sơ:

- Trường hợp nếu thấy hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn không quá 01 buổi làm việc, phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản phải phản hồi lại cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hồ sơ. Sau khi nhận được điều chỉnh bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân, phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản tiếp tục xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản, trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký ban hành (tổng thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc).

- Trường hợp nếu hồ sơ hợp lệ thì, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc phải thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản, trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký ban hành.

+ Bước 4: Trong thời hạn không quá 01 buổi làm việc, Lãnh đạo Chi cục Thủy sản xem xét, ký phê duyệt và chuyển kết quả Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính; hoặc dịch vụ trực tuyến (nếu có); qua địa chỉ email: tntkq.ccts@gmail.com.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

1) Đơn xin cấp phép Khai thác thủy sản (theo mẫu);

2) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (bản photo);

3) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (bản photo);

4) Sổ danh bạ thuyền viên;

5) Bằng Thuyền trưởng và Máy trưởng (bản sao chụp);

***+* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cá nhân.

+ Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản An Giang.

- **Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép khai thác thủy sản(thời hạn của giấy phép không quá 12 tháng).

- **Phí, lệ phí:**

+ Lệ phí cấp giấy phép khai thác thủy sản (cấp mới): 40.000 đồng.

+ Lệ phí đổi giấy phép do thay đổi nội dung ghi trong giấy phép: 40.000 đồng.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Đơn xin cấp phép khai thác thủy sản theo mẫu Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2006/TT-BTS.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

+ Có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Thủy sản.

+ Có sổ danh bạ thuyền viên, đối với các loại tàu theo quy định của Bộ Thủy sản.

+ Thuyền trưởng, máy trưởng đối với các loại tàu theo quy định của Bộ Thủy sản phải có bằng Thuyền trưởng, máy trưởng.

+ Có ngành nghề khai thác và ngư cụ phù hợp với quy định của Bộ Thủy sản.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003.

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 24 tháng 6 năm 2004.

+ Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

+ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

+ Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm, an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị tàu cá, phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép hoạt động thủy sản.

+ Thông tư số 62/2008/TT-BNN ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 02/2006/TT–BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 4/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

+ Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.

+ Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2005 ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

+ Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

+ Quyết định 3548/QĐ-BNN-TCTS ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa và thủ tục hành chính bị hủy bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực thủy sản.

**PHỤ LỤC 8**

*(Kèm theo Thông tư số 02/2006/TT-BTS*

*ngày 20 tháng 3 năm 2006của Bộ trưởng Bộ Thủy sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*............,ngày..........tháng.......năm...........*

**ĐƠN XIN CẤP PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

*Kính gửi:*…………………………………………………………………

Tên chủ tàu: ……………………………………………… Điện thoại:

Số chứng minh nhân dân

Nơi thường trú:

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi thủy sản cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung đăng ký như sau:

Tên tàu:…………………………………………; Loại tàu

Số đăng ký tàu:

Năm, nơi đóng tàu:

Tần số liên lạc của đài tàu *(nếu có)* …………, ngày cấp …………, nơi cấp

Máy chính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ký hiệu máy** | **Số máy** | **Công suất****định mức (CV)** | **Ghi chú** |
| No 1 |  |  |  |  |
| No 2 |  |  |  |  |
| No 3 |  |  |  |  |

Ngư trường hoạt động

Cảng, bến đăng ký cập tàu:

Nghề khai thác chính:……………………………Nghề phụ

Tên đối tượng khai thác chính:

Mùa khai thác chính: từ tháng … ........năm …....… đến tháng ….... năm

Mùa khai thác phụ: từ tháng …........... năm …....… đến tháng ….... năm

Kích thước mắt lưới ở bộ phận chứa cá 2a, mm:

Phương pháp bảo quản sản phẩm:

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật

 **Người làm đơn *(Chủ tàu)***

***PHỤ LỤC SỐ 12***

***MẪU GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN***

*(Kèm theo Thông tư số 24 /TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011*

*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

*CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỦY SẢN CẤP*

*TRÊN TRỰC TIẾP CƠ QUAN CẤP PHÉP*

*- Căn cứ Luật Thủy sản;*

*- Căn Nghị Định 59/2005/NĐ-CP ngày 4/5/2005 về điều kiện kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.*

*Cấp Giấy phép khai thác thủy sản*

*Cho chủ tàu: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .*

*Địa chỉ thường trú: . .. . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .*

*Điện thoại: . . . . . . . . . . . . . . . Tần số liên lạc: .. . . . . . . . . . . . . . . . . . .*

*Là chủ tàu khai thác thủy sản số: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .*

*Tổng công suất máy chính: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .*

*Cảng, bến chính đăng ký cập tàu: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .*

*Được phép khai thác thuỷ sản theo các nội dung sau:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Nghề* | *Vùng, tuyến* | *Kích thước mắt lưới nơi thu cá* | *Thời gian hoạt động* |
| *Nghề chính.........**............................* |  |  | *Từ ngày . . / . . / . . .**Đến ngày . ./ . . / . . .* |
| *Nghề phụ 1**…………..* |  |  | *Từ ngày . . / . . / . . .**Đến ngày . ./ . . / . . .* |
| *Nghề phụ 2**……………* |  |  | *Từ ngày . . / . . / . . .**Đến ngày . ./ . . / . . .* |

*Các nội dung khác (nếu có) . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .. . . . ..*

*Giấy phép này có giá trị đến hết ngày . . . . tháng . . . . năm . . . . . . . . .*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *. . . . . . . . . ., ngày …. tháng …. năm ………**Người cấp phép**(ký tên, đóng dấu)* |